



Đo lường tăng trưởng kinh tế bao trùm ở Việt Nam:

Cách tiếp cận mới với thước đo mới

PHẠM THỊ BÍCH NGỌC *

Trường Đại học Kinh tế - Đại học Huế

THÔNG TIN	TÓM TẮT
Ngày nhận: 13/06/2025 Ngày nhận lại: 02/08/2025 Duyệt đăng: 06/08/2025 Mã phân loại JEL: A1; B21; C02. Từ khóa: Tăng trưởng bao trùm; Lưu động hướng lên; Việt Nam; VHLSS. Keywords: Inclusive growth; Upward mobility; Vietnam; VHLSS.	Tăng trưởng bao trùm nhấn mạnh tính công bằng trong việc phân phối cơ hội và lợi ích từ phát triển kinh tế, đặc biệt đối với các nhóm người yếu thế trong xã hội. Tuy nhiên, đến nay vẫn còn thiếu một công cụ định lượng rõ ràng để đánh giá mức độ bao trùm của tăng trưởng kinh tế tại Việt Nam. Bài báo này giới thiệu và ứng dụng chỉ số lưu động hướng lên (Upward Mobility measure) do Ray và Genicot (2023) đề xuất, nhằm đo lường mức độ thụ hưởng thành quả tăng trưởng của người nghèo tại Việt Nam trong giai đoạn 2002–2020. Kết quả từ dữ liệu Kết quả khảo sát Mức sống dân cư Việt Nam (Vietnam Household Living Standards Survey – VHLSS) cho thấy người nghèo đã thực sự được hưởng lợi từ tăng trưởng, xác nhận tính bao trùm của phát triển kinh tế Việt Nam trong thời kỳ này. Ngoài ra, nghiên cứu còn mở ra tiềm năng ứng dụng rộng rãi chỉ số này trong so sánh tăng trưởng giữa các quốc gia hoặc vùng miền, góp phần hỗ trợ xây dựng chính sách phát triển công bằng và bền vững. Abstract Inclusive growth emphasizes equity in the distribution of opportunities and benefits arising from economic development, particularly for vulnerable groups. However, there is a lack of measures to evaluate inclusive growth. This paper introduces and applies the Upward Mobility Measure proposed by Ray and Genicot (2023) to measure how much the poor have benefited from economic growth in Vietnam between 2002 and 2020. Using data from the Vietnam Household Living Standards Survey (VHLSS), the results reveal that the poor have benefited from economic growth, thereby confirming the inclusive

* Tác giả liên hệ.

Biên tập viên: Nguyễn Lương Tâm.

Email: ptbngoc.hce@hueuni.edu.vn (Phạm Thị Bích Ngọc).

Trích dẫn bài viết: Phạm Thị Bích Ngọc. (2025). Đo lường tăng trưởng kinh tế bao trùm ở Việt Nam: Cách tiếp cận mới với thước đo mới. *Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á*, 36(6), 37-50.

nature of growth in Vietnam. This study also demonstrates the potential application of this measure for cross-country or regional comparisons of growth inclusiveness, offering a valuable tool to inform the design of equitable and sustainable development policies.

1. Giới thiệu

Tăng trưởng bao trùm (Inclusive Growth) là một khái niệm kinh tế hiện đại, nhấn mạnh đến tính công bằng trong việc phân phối cơ hội và thành quả từ tăng trưởng. Không chỉ đề cập đến việc mở rộng quy mô nền kinh tế, tăng trưởng bao trùm còn đặt trọng tâm vào việc đảm bảo mọi cá nhân, đặc biệt là nhóm yếu thế như người nghèo, người dân tộc thiểu số, hay cư dân ở khu vực nông thôn, đều có thể tiếp cận và hưởng lợi từ quá trình phát triển đó. Khái niệm tăng trưởng bao trùm lần đầu xuất hiện trong các tài liệu học thuật vào năm 2000, trong bài viết “What is Pro-Poor Growth?” của Kakwani và Pernia (2000). Trong bài viết này, thuật ngữ “Inclusive Growth” được sử dụng một lần, với ý nghĩa tương đương với “tăng trưởng vì người nghèo” (Pro-poor Growth). Mặc dù được đề cập ngắn gọn, nhưng đây được xem là lần đầu tiên thuật ngữ này xuất hiện trong các tài liệu học thuật. Tiếp sau đó, nhiều nhà kinh tế đã tiếp tục phổ biến thuật ngữ này. Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (Organisation for Economic Co-operation and Development – OECD) cũng đã đóng góp vào việc định hình khái niệm này. Trong một báo cáo của OECD, tăng trưởng bao trùm được định nghĩa là “tăng trưởng kinh tế được phân phối công bằng trong xã hội và tạo ra cơ hội cho tất cả mọi người.”

Tại Việt Nam, khái niệm tăng trưởng bao trùm bắt đầu được nhắc đến trong các chính sách và học thuật trong khoảng thời gian 2015. Trong chủ đề của Diễn đàn Đối tác phát triển Việt Nam 2015 có cụm từ “tăng trưởng toàn diện” được dịch từ cụm tiếng Anh “Inclusive Growth”. Một trong những tài liệu sớm đề cập đến khái niệm này là bài viết của TS. Nguyễn Thắng (Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam) với tiêu đề “*Tăng trưởng bao trùm ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập và cách mạng công nghệ*”, đăng trên trang Kinh tế Trung ương. Trong bài viết, tác giả định nghĩa tăng trưởng bao trùm là quá trình tăng trưởng kinh tế mà trong đó mọi thành phần trong nền kinh tế đều có được cơ hội phát triển và các lợi ích khác, bao gồm cả các lợi ích về mặt kinh tế, một cách công bằng (Nguyễn Thắng, 2016).

Mặc dù về mặt thuật ngữ, khái niệm tăng trưởng bao trùm xuất hiện sau các thuật ngữ tăng trưởng kinh tế khác; tuy nhiên, về mục đích và ý nghĩa, thì tăng trưởng kinh tế bao trùm luôn là mục tiêu của chính phủ mọi quốc gia. Việt Nam là một quốc gia có những thành tựu nổi bật trong phát triển kinh tế, từ một nước bị đánh giá là kém phát triển đến một trong những nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng cao nhất trên thế giới. Đồng thời, chính phủ Việt Nam cũng luôn cam kết phát triển kinh tế đi kèm với an sinh xã hội. Những khẩu hiệu phát triển kinh tế của Đảng và Chính phủ vẫn luôn là “dân giàu, nước mạnh”, “không ai bị bỏ lại đằng sau”, hay “tăng trưởng bền vững” đều luôn nhắc tới mục tiêu phát triển kinh tế phải đi kèm với công bằng trong phân phối thu nhập và lợi ích của mọi thành phần trong xã hội.

Tuy vậy, một vấn đề quan trọng hiện nay là chưa có một công cụ đo lường nào đủ rõ ràng và chính xác để trả lời trực tiếp câu hỏi: Việt Nam đã đạt được tăng trưởng kinh tế bao trùm hay chưa? Hay nói cách khác, những thành quả tăng trưởng kinh tế trong những năm qua có thực sự cải thiện thu

nhập của những người có thu nhập thấp, những người dễ bị tổn thương nhất trong xã hội? Việc trả lời những câu hỏi này đòi hỏi một phương pháp định lượng rõ ràng và có khả năng phản ánh chính xác mối liên hệ giữa tăng trưởng và phân phối lợi ích.

Việc không có một cách đo lường trực tiếp để trả lời cho câu hỏi nói trên xuất phát chủ yếu từ các nguyên nhân khách quan. Bởi vì thực tế, các nhà kinh tế học trên thế giới hiện nay vẫn chưa thống nhất được một phương pháp tối ưu để trả lời cho câu hỏi đó. Việc này không chỉ xuất phát từ yếu tố kỹ thuật, và nó còn liên quan đến những khó khăn trong việc thu thập số liệu và dạng dữ liệu cần sử dụng để tính toán. Trước những khó khăn đó, hai nhà kinh tế Ray và Genicot (2023) đã đề xuất một phương án tính toán mới, trong nghiên cứu được công bố tại *America Economics Review* với tiêu đề “Upward mobility measure”. Công trình này đã đề xuất một thước đo mới, và với những tiền đề mà nghiên cứu đưa ra, đây hoàn toàn là một công cụ phù hợp, để ứng dụng để trả lời trực tiếp cho câu hỏi: Liệu những cá nhân trong đất nước, có nhận được lợi ích từ sự phát triển kinh tế hay không? (Kono & Pham, 2024). Bài báo này sẽ giới thiệu phương pháp được đề xuất bởi Ray và Genicot (2023), đồng thời ứng dụng bộ dữ liệu Khảo sát mức sống hộ gia đình Việt Nam (Vietnam Household Living Standard Survey – VHLSS) để cung cấp những bằng chứng thực nghiệm nhằm hỗ trợ hoặc định chính sách hiệu quả hơn trong tương lai.

2. Tổng quan về các phương pháp đo lường tăng trưởng kinh tế bao trùm

Tăng trưởng bao trùm thu hút sự quan tâm của giới học thuật do mối liên hệ chặt chẽ với hai khái niệm kinh tế then chốt: tăng trưởng kinh tế và phân phối thu nhập công bằng. Điều này đặc biệt quan trọng trong bối cảnh tăng trưởng kinh tế không phải lúc nào cũng đi đôi với phân phối thu nhập công bằng, dẫn đến việc nhóm người nghèo không được hưởng lợi tương xứng so với nhóm giàu hơn. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại sự thiếu đồng thuận về định nghĩa cũng như phương pháp đo lường tăng trưởng vì người nghèo (Lopez, 2004; Son, 2007).

Trong các nghiên cứu học thuật hiện tại, các nhà khoa học thường lựa chọn xem xét mối liên hệ giữa tăng trưởng thu nhập chung với tăng trưởng của nhóm 20% dân số có thu nhập thấp nhất để trả lời cho câu hỏi tăng trưởng kinh tế có đem lại lợi ích cho người nghèo không. (Dollar & Kraay, 2002)

Các phương pháp khác bao gồm việc phân tích các chỉ số nghèo đói (Balasubramanian và cộng sự, 2023) và các chỉ số đo lường bất bình đẳng (Dollar và cộng sự, 2016; Kakwani & Pernia, 2000). Ngoài ra, một số nghiên cứu tập trung vào việc tính toán tốc độ tăng trưởng trung bình của nhóm người nghèo (Ravallion & Chen, 2003). Tuy nhiên, các phương pháp đo lường này thường phụ thuộc vào các ngưỡng nghèo được xác định trước, điều này có thể dẫn đến sự gián đoạn trong cách đánh giá tăng trưởng thu nhập của các hộ gia đình nằm ngay dưới hoặc ngay trên các ngưỡng đó. Do các ngưỡng nghèo này thường được xác định theo tiêu chuẩn quốc tế, chẳng hạn như ngưỡng 1,90 USD theo ngang giá sức mua (Purchasing Power Parity – PPP), chúng có thể không phản ánh chính xác mức sống thực tế tại địa phương, dẫn đến những sai lệch không mong muốn trong việc diễn giải dữ liệu.

Tính chất vì người nghèo của tăng trưởng kinh tế đã được đánh giá thông qua nhiều cách tiếp cận khác nhau. Theo Son (2007), các chỉ số được sử dụng phổ biến trong các nghiên cứu về tăng trưởng bao trùm, bao gồm: Độ thiên lệch nghèo của tăng trưởng (Poverty Bias of Growth – PBG) do McCulloch và Baulch (1999) đề xuất, Chỉ số Tăng trưởng vì người nghèo (Pro-poor Growth Index –

PPGI) của Kakwani và Pernia (2000), Tỷ lệ tăng trưởng tương đương nghèo (Poverty Equivalent Growth Rate – PEGR) của Kakwani và Son (2008), Đường cong phân bố tăng trưởng (Growth Incidence Curve – GIC) của Ravallion và Chen (2003), cùng với Đường cong tăng trưởng nghèo (Poverty Growth Curve – PGC) do Son (2004) đề xuất.

Sự khác biệt đầu tiên giữa các chỉ số đo lường nằm ở cách tiếp cận khái niệm. Có hai cách tiếp cận khác nhau. Cách tiếp cận tuyệt đối cho rằng tăng trưởng kinh tế bao trùm là khi thu nhập bình quân của người nghèo tăng lên, kéo theo sự sụt giảm của tỷ lệ người có thu nhập thấp. Đường cong GIC thuộc về cách tiếp cận này. Ngược lại, cách tiếp cận tương đối yêu cầu thu nhập của người nghèo phải tăng với tốc độ cao hơn thu nhập của người không nghèo. Cách tiếp cận tương đối tập trung vào những thay đổi trong bất bình đẳng có lợi cho người nghèo. Các chỉ số như Độ thiên lệch nghèo của tăng trưởng PBG, PPGI, PEGR, và PGC theo cách tiếp cận thứ hai này.

Sự khác biệt thứ hai giữa các phương pháp đo lường tăng trưởng vì người nghèo là việc có cần thiết phải xác định một ngưỡng nghèo và một chỉ số nghèo cụ thể hay không. GIC của Ravallion và Chen (2003) và PGC của Son (2004) sử dụng các đường cong chiếm ưu thế ngẫu nhiên (Stochastic Dominance Curves). Cách tiếp cận này có thể được áp dụng với mọi đường nghèo hoặc thước đo nghèo, tuy nhiên nó không định lượng được mức độ tăng trưởng vì người nghèo. Ngược lại, GIC, PBG, PPGI, và PEGR đánh giá một quá trình tăng trưởng thông qua việc xác định tốc độ hoặc chỉ số tăng trưởng vì người nghèo, qua đó có thể so sánh mức độ “vì người nghèo” giữa các quá trình tăng trưởng khác nhau. Tuy nhiên, để áp dụng cách tiếp cận này, cần đưa ra các phán đoán khi lựa chọn đường nghèo và chỉ số nghèo.

Một vấn đề nữa khi tính toán các chỉ tiêu tăng trưởng đó là các chỉ số trên đều cần sử dụng dữ liệu dạng bảng (Panel Data). Trong khi, dạng dữ liệu này cần có nhiều thời gian và kinh phí để thu thập, không lúc nào cũng có sẵn, đặc biệt là ở những quốc gia đang phát triển như Việt Nam.

Để giải quyết các vấn đề nêu trên, Ray và Genicot (2023) đã đề xuất một chỉ số mới nhằm đánh giá khả năng dịch chuyển đi lên, dựa trên một tập hợp các tiên đề. Chỉ số lưu động hướng lên do Ray và Genicot (2023) đề xuất là một công cụ đo lường phù hợp để phản ánh mức độ bao trùm của tăng trưởng kinh tế, bởi nó thể hiện rõ mối liên hệ giữa tăng trưởng kinh tế với việc cải thiện phúc lợi cho các nhóm thu nhập thấp trong xã hội. Theo Ray và Genicot (2023), chỉ số này liên kết với khái niệm “tăng trưởng vì người nghèo” (Pro-poor Growth). Theo định nghĩa của Ngân hàng Thế giới, tăng trưởng vì người nghèo là quá trình tăng trưởng kinh tế mang lại lợi ích cho người nghèo và tạo cơ hội để họ cải thiện điều kiện sống của mình (Ravallion, 2004). Trong khi đó, khái niệm “tăng trưởng bao trùm” (Inclusive Growth) mở rộng phạm vi của tăng trưởng vì người nghèo (Pro-poor Growth) bằng cách nhấn mạnh tính công bằng trong phân phối thu nhập, cũng như khả năng tiếp cận cơ hội phát triển một cách toàn diện đối với mọi nhóm dân cư, bao gồm cả nhóm yếu thế.

Các bằng chứng thực nghiệm tại nhiều quốc gia phát triển cho thấy việc phân bổ cơ hội phát triển thường không đồng đều giữa các nhóm xã hội. Tại Hoa Kỳ, nghiên cứu về lưu động hướng lên (Upward Mobility) cho thấy rằng các nhóm dân cư da trắng có xác suất cải thiện thu nhập cao hơn đáng kể so với các nhóm da màu, bất chấp cùng sống trong một môi trường kinh tế chung (Chetty và cộng sự, 2020). Sự khác biệt này đặt ra yêu cầu rằng, trong điều kiện bất bình đẳng còn tồn tại, một nền kinh tế chỉ có thể được coi là phát triển một cách bao trùm khi người nghèo và các nhóm dễ bị tổn thương thực sự có khả năng cải thiện mức sống. Do đó, tăng trưởng bao trùm, trên thực tế, gắn bó

chặt chẽ với tinh thần của tăng trưởng vì người nghèo: nếu người nghèo không được hưởng lợi từ tăng trưởng, thì tăng trưởng đó khó có thể được coi là bao trùm.

Trong bối cảnh đó, chỉ số lưu động hướng lên là một thước đo phù hợp để đánh giá mức độ bao trùm của tăng trưởng. Khác với nhiều chỉ số truyền thống vốn dựa trên việc so sánh với một đường nghèo cố định, chỉ số này cho phép điều chỉnh mức độ nhấn mạnh vào nhóm thu nhập thấp thông qua hệ số α . Khi hệ số α tăng, chỉ số sẽ phản ánh sự ưu tiên lớn hơn dành cho các nhóm thu nhập thấp, từ đó cho phép người nghiên cứu hoặc nhà hoạch định chính sách đánh giá rõ hơn tác động của tăng trưởng đến các nhóm dễ bị tổn thương. Đây là đặc điểm phù hợp với tinh thần của tăng trưởng bao trùm, vốn đề cao tính công bằng trong phân phối lợi ích kinh tế.

Ngoài ra, chỉ số lưu động hướng lên do Ray và Genicot (2023) đề xuất còn có ưu điểm về mặt tiếp cận khi không yêu cầu thu nhập của nhóm nghèo phải tăng nhanh hơn thu nhập của nhóm giàu – một điều kiện thường gặp trong các chỉ số tăng trưởng tương đối. Thay vào đó, chỉ cần thu nhập của người nghèo có xu hướng tăng lên là đủ để phản ánh sự dịch chuyển tích cực. Điều này phù hợp với quan điểm của tăng trưởng bao trùm, theo đó mọi nhóm trong xã hội cần có cơ hội cải thiện thu nhập, nhưng có thể đặt trọng số cao hơn cho những nhóm có xuất phát điểm thấp hơn. Với những đặc điểm trên, chỉ số di chuyển hướng lên không chỉ góp phần cụ thể hóa nội hàm của tăng trưởng bao trùm, mà còn đóng vai trò như một công cụ phân tích hiệu quả trong việc đánh giá chất lượng của quá trình phát triển kinh tế xét trên khía cạnh công bằng và bền vững.

3. Phương pháp đo lường

3.1. Giới thiệu chỉ số đo lường

Ray và Genicot (2023) đề xuất một chỉ số mới, gọi là chỉ số lưu động hướng lên (từ đây sẽ gọi là chỉ số RG), được xây dựng dựa trên một tập hợp các tiên đề. Bài báo này sẽ trình bày ngắn gọn các tiên đề này và lập luận rằng chỉ số dịch chuyển RG là một thước đo đơn trị phù hợp để đánh giá tăng trưởng vì người nghèo. Khi tăng trưởng hỗ trợ cho sự dịch chuyển thu nhập của người nghèo thì khi đó, tăng trưởng bao trùm cũng đạt được.

Trước tiên, Ray và Genicot (2023) đưa ra sáu tiên đề để xây dựng chỉ số dịch chuyển thu nhập đi lên tức thời $M(y, g)$, được xác định trên cơ sở mức thu nhập ban đầu $y = (y_1, y_2, \dots, y_n)$ và tốc độ tăng trưởng tức thời của thu nhập $g = (g_1, g_2, \dots, g_n)$ đối với một tập hợp hữu hạn có kích thước n . Sáu tiên đề đó bao gồm: (a) Neo vào mức tăng trưởng bằng không (Zero Growth Anchoring), (b) Trung lập về thu nhập (Income Neutrality), (c) Tính lũy tiến trong tăng trưởng (Growth Progressivity), (d) Sự phù hợp trong tăng trưởng (Growth Alignment), (e) Hợp nhất cục bộ (Local Merge), và (f) Cân đối tăng trưởng nhị phân (Binary Growth Tradeoffs). Sau đó, họ bổ sung thêm hai điều kiện nữa, đó là điều kiện Cơ sở (Base Condition) và điều kiện Độc lập đường đi (Path Independence Condition), để xây dựng phiên bản rời rạc của chỉ số dịch chuyển thu nhập đi lên, cho phép áp dụng vào các bộ dữ liệu thực tế.

Tiên đề “Neo Tăng trưởng Bằng 0” (Zero Growth Anchoring): nghĩa là nếu không ai có sự thay đổi về thu nhập (tức là thu nhập không tăng cũng không giảm), thì sẽ không có sự dịch chuyển đi lên nào xảy ra. Ví dụ: Nếu thu nhập của tất cả mọi người giữ nguyên sau 5 năm, thì không thể nói cuộc sống của ai được cải thiện cả – chỉ số dịch chuyển phải bằng 0.

Tiên đề “Trung Lập Về Thu Nhập” (Income Neutrality) nghĩa là nếu tất cả thu nhập đều được nhân với cùng một hệ số (ví dụ như thay đổi đơn vị đo từ nghìn đồng sang triệu đồng), thì chỉ số đo lường dịch chuyển không thay đổi.

Tiên đề “Tiến Bộ Tăng Trưởng” (Growth Progressivity) nghĩa là nếu một phần tăng trưởng được “chuyển” từ người giàu sang người nghèo, thì chỉ số đo lường dịch chuyển sẽ tăng lên. Điều đó đồng nghĩa với việc, người nghèo có thu nhập tăng nhanh hơn người “không nghèo”. Khi đó, việc tăng trưởng sẽ hỗ trợ phân phối thu nhập, tăng trưởng có tính chất “bao trùm” hơn.

Tiên đề “Phù Hợp Tăng Trưởng” (Growth Alignment) nghĩa là nếu tất cả mọi người đều có mức tăng trưởng thu nhập cao hơn, thì chỉ số dịch chuyển phải tăng. Khi nền kinh tế phát triển tốt và mọi tầng lớp đều có thu nhập được cải thiện, chỉ số dịch chuyển sẽ phản ánh sự cải thiện này.

Hai tiên đề còn lại, “Hợp nhất cục bộ” (Local Merge) và “Cân bằng nhị phân trong tăng trưởng” (Binary Growth Tradeoffs), đặt ra các ràng buộc về đặc tính định lượng và hình thức hàm số của chỉ số đo lường. Để giải thích tiên đề Hợp nhất cục bộ, hãy xem xét bốn nhóm dân cư: A, B, C, và D, với mức độ dịch chuyển đi lên tương ứng là M_i , $i=A, B, C, D$. Nhóm B hoàn toàn giống với nhóm A. Nhóm C cũng giống với nhóm A, ngoại trừ một cá nhân có tốc độ tăng trưởng cao hơn A một lượng ϵ . Nhóm D cũng giống với nhóm A, nhưng một cá nhân có tốc độ tăng trưởng thấp hơn A một lượng ϵ . Bây giờ, hãy tưởng tượng A và B được gộp lại thành nhóm AB, và C và D gộp lại thành nhóm CD. Hai nhóm mới này có cùng mức tăng trưởng trung bình. Tiên đề Sáp nhập cục bộ yêu cầu rằng nếu: $M_C - M_A \neq M_D - M_B$ thì $M_{AB} \neq M_{CD}$. Nói cách khác, sự khác biệt trong mức dịch chuyển giữa các nhóm dân cư sau khi gộp phải phản ánh đúng sự khác biệt cục bộ trước đó.

Tiên đề Cân bằng nhị phân trong tăng trưởng (Binary Growth Tradeoffs) thể hiện ý tưởng về “tính độc lập với các yếu tố không liên quan”. Trong ví dụ trên, sự khác biệt duy nhất giữa hai nhóm gộp AB và CD nằm ở hai cá nhân đã thay đổi tốc độ tăng trưởng. Tiên đề này yêu cầu rằng sự khác biệt về mức dịch chuyển đi lên giữa AB và CD chỉ phụ thuộc vào đặc điểm của hai cá nhân đó, chứ không bị ảnh hưởng bởi những người còn lại trong xã hội. Ví dụ, trong nhóm AB, có 10 người và không ai thay đổi thu nhập. Trong nhóm CD, vẫn là 10 người, nhưng chỉ có 2 người có thay đổi về tăng trưởng (1 người tốt hơn, 1 người tệ hơn). Tiên đề này nói rằng: Kết quả so sánh giữa AB và CD chỉ nên phụ thuộc vào hai người đó, tám người còn lại không thay đổi gì thì không nên ảnh hưởng đến kết quả đo lường.

Ray và Genicot (2023) đã chỉ ra rằng chỉ số dịch chuyển RG thỏa mãn sáu tiên đề này có thể được biểu diễn dưới một dạng khá đơn giản:

$$M_\alpha(\mathbf{y}, \mathbf{g}) \equiv \frac{\sum_{i=1}^n y_i^{-\alpha} g_i}{\sum_{i=1}^n y_i^{-\alpha}} \quad (1)$$

Theo Ray và Genicot (2023), công thức (1) sẽ thỏa mãn 6 tiên đề nói trên với mọi giá trị $\alpha > 0$ và $n \geq 3$. Trong đó, tham số α điều chỉnh mức độ ưu tiên cho tăng trưởng thu nhập của người nghèo, hay nói cách khác là mức độ tăng trưởng thiên về người nghèo. Giá trị α càng lớn thì mức độ ưu tiên cho thu nhập của người nghèo càng cao. Ví dụ, khi $\alpha = 0.5$, người có thu nhập 400 đô la sẽ được tính trọng số gấp đôi so với người có thu nhập 1.600 USD. Nếu $\alpha = 1$, trọng số tương đối giữa hai người này sẽ là 4. Khi α tiến gần đến 0, thì chỉ số $\hat{M}_\alpha^A(\mathbf{y}(s), \mathbf{y}(t))$ sẽ hội tụ về $\frac{1}{t-s} \sum_{i=1}^n \ln \frac{y_i(t)}{y_i(s)}$, hay tổng của logarit tốc độ tăng trưởng thu nhập của các cá nhân. Do đó, bằng cách thay đổi các giá trị của α , chúng ta có thể xem xét lợi ích từ tăng trưởng có đến được với nhóm người nghèo nhất hay không.

Trong phân tích này, tác giả chọn các giá trị $\alpha = \{0,01; 0,1; 0,5; 1; 2\}$, trong đó $\alpha = 0,01$ chỉ đặt trọng số cho người nghèo cao hơn người không nghèo một cách rất nhỏ.

Vì dữ liệu thực tế thường có dạng thời gian rời rạc và không có sẵn tại mọi thời điểm liên tục, chỉ số dịch chuyển RG (1) không thể áp dụng cho bộ dữ liệu hiện có. Để xây dựng một phiên bản rời rạc của chỉ số dịch chuyển lên phù hợp với dữ liệu thực tế, Ray và Genicot (2023) đã đưa ra hai điều kiện tự nhiên bổ sung, đó là tính rút gọn (Reducibility) và tính cộng gộp (Additivity). Điều kiện tính rút gọn yêu cầu rằng chỉ số dịch chuyển lên trong một khoảng thời gian nhất định phải được xác định hoàn toàn bởi tập hợp các chỉ số dịch chuyển trong khoảng thời gian đó. Điều kiện tính cộng gộp yêu cầu rằng chỉ số dịch chuyển lên trong một khoảng thời gian phải là tổng các chỉ số dịch chuyển lên của các khoảng thời gian trong thời gian đó. Với hai điều kiện này, Ray và Genicot (2023) xây dựng được một thước đo thực nghiệm của dịch chuyển lên phù hợp với dữ liệu rời rạc như sau:

$$\hat{M}_\alpha^\Delta(\mathbf{y}(s), \mathbf{y}(t)) \equiv \frac{1}{t-s} \ln \left[\frac{\sum_{i=1}^n y_i^{-\alpha}(t)}{\sum_{i=1}^n y_i^{-\alpha}(s)} \right]^{-\frac{1}{\alpha}} \quad (2)$$

trong đó $\mathbf{y}(\tau)$ là vector thu nhập tại thời điểm $\tau=s, t$ với mọi giá trị $\alpha > 0$.

Công thức (2) giả định số lượng quan sát là như nhau tại thời điểm s và t tức là $n_s = n_t = n$. Công thức này phù hợp khi sử dụng dữ liệu dạng bảng (Balanced Panel) hoặc dữ liệu cắt ngang lặp lại với cùng kích thước mẫu, giúp phép tính giữ nguyên bản chất lý thuyết của chỉ số di chuyển hướng lên.

Bài báo này tính toán phiên bản rời rạc của chỉ số lưu động hướng lên RG (2) bằng cách sử dụng dữ liệu khảo sát hộ gia đình VHLSS. Do đây là dữ liệu chéo lặp lại theo thời gian và kích thước mẫu khác nhau giữa các cuộc khảo sát, chúng tôi đo lường giá trị tương ứng trong mẫu của chỉ số lưu động hướng lên theo công thức sau.

$$\hat{M}_\alpha^\Delta(\mathbf{y}(s), \mathbf{y}(t)) \equiv \frac{1}{t-s} \ln \left[\frac{\frac{1}{n_t} \sum_{i=1}^{n_t} y_i^{-\alpha}(t)}{\frac{1}{n_s} \sum_{i=1}^{n_s} y_i^{-\alpha}(s)} \right]^{-\frac{1}{\alpha}} \quad (3)$$

Công thức (3) là phiên bản điều chỉnh của công thức (2), nhằm phù hợp với dữ liệu cắt ngang lặp lại (Repeated Cross-section) từ các cuộc khảo sát VHLSS, trong đó số hộ quan sát được tại các thời điểm khác nhau không đồng nhất. Việc chuẩn hóa bằng cách chia cho kích thước mẫu ở mỗi năm (n_s và n_t) giúp đảm bảo phép đo chỉ số lưu động hướng lên phản ánh chính xác sự dịch chuyển thu nhập theo thời gian mà không bị sai lệch bởi sự chênh lệch về quy mô mẫu giữa các kỳ khảo sát.

3.2. Dữ liệu ứng dụng

Trong bài báo này, tác giả sử dụng dữ liệu Khảo sát mức sống hộ gia đình Việt Nam (VHLSS) từ 2002 đến 2020 để tính toán chỉ số RG. VHLSS là một bộ dữ liệu có tính đại diện quốc gia, được thực hiện định kỳ hai năm một lần. Dữ liệu VHLSS cung cấp thông tin phong phú về điều kiện sống, thu nhập, chi tiêu, và các khía cạnh xã hội khác của hộ gia đình Việt Nam. Bộ dữ liệu này được sử dụng rộng rãi trong các nghiên cứu về mức sống dân cư tại Việt Nam nhờ tính nhất quán cao trong thiết kế bảng hỏi và phương pháp thu thập dữ liệu qua các đợt khảo sát, cho phép thực hiện phân tích so sánh theo thời gian và đánh giá động thái dịch chuyển thu nhập ở cấp độ hộ gia đình.

Nghiên cứu này khai thác đặc điểm nhất quán của VHLSS để đo lường mức độ dịch chuyển lên trong phân vị thu nhập, dựa trên thông tin về thu nhập và chi tiêu bình quân đầu người, đã được điều chỉnh theo chỉ số giá tiêu dùng (Consumer Price Index – CPI) nhằm loại bỏ ảnh hưởng của lạm phát.

Trọng tâm phân tích đặt vào việc tính toán chỉ số dịch chuyển RG trong khoảng thời gian 6 năm giữa hai đợt khảo sát. Như vậy, dữ liệu sẽ được ghép cặp để tính toán chỉ số RG theo chu kỳ 6 năm. Nghĩa là chỉ số RG năm 2008 được tính toán dựa trên thu nhập đi lên của những người có thu nhập thấp so sánh giữa năm 2008 và 2002, chỉ số RG năm 2010 là dựa trên thu nhập của năm 2010 với 2004, và cứ như vậy cho những năm tiếp theo. Do mức độ dịch chuyển phụ thuộc đáng kể vào tốc độ tăng trưởng thu nhập thực, việc điều chỉnh lạm phát một cách chính xác là điều kiện tiên quyết để đảm bảo độ tin cậy của các ước lượng.

Nhằm kiểm soát ảnh hưởng của sai số chọn mẫu đến các chỉ số dịch chuyển, chúng tôi áp dụng phương pháp bootstrap với cụm lấy mẫu ở cấp xã – đơn vị cơ sở của thiết kế khảo sát – để ước lượng sai số chuẩn. Đồng thời, do các chỉ số đo lường dịch chuyển thu nhập thường đặt trọng số lớn hơn cho các hộ nghèo, nên chúng dễ bị ảnh hưởng bởi các giá trị cực đoan trong mẫu, đặc biệt là khi giá trị nhỏ nhất quan sát được không phản ánh chính xác giá trị nhỏ nhất của tổng thể. Để giảm thiểu sai lệch do hiện tượng này, chúng tôi tiến hành cắt bớt dữ liệu (Winsorize) biến thu nhập và chi tiêu bình quân đầu người tại các ngưỡng phân vị 1% và 99%, nhằm đảm bảo tính ổn định và độ tin cậy của các phân tích định lượng.

4. Kết quả

Trước hết, chúng tôi tính toán sự dịch chuyển lên trong thu nhập trong khoảng thời gian 6 năm, từ 2002 đến 2020. Có ba lý do chính để lựa chọn bước nhảy 6 năm khi tính toán chỉ tiêu di động hướng lên trong nghiên cứu này. Thứ nhất, di chuyển thu nhập là một quá trình mang tính dài hạn, đòi hỏi khoảng thời gian đủ dài để phản ánh các thay đổi mang tính cấu trúc trong vị thế kinh tế của hộ gia đình. Việc lựa chọn bước nhảy 6 năm giúp giảm thiểu ảnh hưởng của các biến động thu nhập ngắn hạn do cú sốc kinh tế tạm thời hay các yếu tố ngẫu nhiên, từ đó phản ánh rõ ràng hơn xu hướng cải thiện hoặc suy giảm thu nhập thực sự. Thứ hai, khoảng cách 6 năm tương ứng với chu kỳ trung hạn của nhiều chính sách công, đặc biệt là các chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo và phát triển bền vững. Điều này cho phép việc đo lường di chuyển thu nhập gắn liền với đánh giá tác động chính sách trong các giai đoạn thực hiện cụ thể. Thứ ba, dữ liệu điều tra mức sống hộ gia đình (VHLSS) được thu thập dưới dạng 2 năm một lần và bộ dữ liệu chỉ có sự thống nhất về bảng hỏi các chỉ tiêu thu nhập và chi phí trong giai đoạn từ 2002 đến 2020, lựa chọn bước nhảy 6 năm để vừa phù hợp với cấu trúc dữ liệu, vừa đảm bảo tính toán được một chuỗi tương đối chỉ số di chuyển hướng lên nhằm dễ dàng phân tích được tính tăng trưởng bao trùm của kinh tế Việt Nam.

Bảng 1 và Bảng 2 trình bày kết quả tính toán chỉ số RG cho khoảng thời gian 6 năm với các giá trị $\alpha = \{0,01; 0,1; 0,3; 0,5; 1,2\}$, trong đó khi $\alpha = 0,01$ nghĩa là phân tích chỉ đặt trọng số cho người nghèo cao hơn người không nghèo một cách rất nhỏ. Khi α càng lớn, trọng số càng thiên về ưu tiên người thu nhập thấp. Cụ thể, khi $\alpha = 0,01$: Trọng số tương đối là khoảng 1,014; tức là người thu nhập 400 đô la chỉ được ưu tiên hơn một chút rất nhỏ so với người thu nhập 1600 đô la. Sự khác biệt gần như không đáng kể. Khi $\alpha = 0,1$: Trọng số tương đối là khoảng 1,15; nghĩa là người thu nhập thấp được ưu tiên hơn một chút, nhưng mức độ ưu tiên vẫn còn rất nhẹ. Khi $\alpha = 0,3$: Trọng số tương đối là khoảng 1,52; cho thấy người thu nhập 400 đô được coi là quan trọng hơn khoảng 1,5 lần so với người thu nhập 1600 đô. Mức ưu tiên bắt đầu trở nên đáng kể. Khi $\alpha = 0,5$: Trọng số tương đối là 2, tức là người thu nhập 400 đô được tính trọng số gấp đôi người thu nhập 1600 đô. Đây là mức ưu tiên

trung bình rõ rệt cho người thu nhập thấp. Khi $\alpha = 1$: Trọng số tương đối là 4, nghĩa là người có thu nhập thấp được ưu tiên mạnh mẽ hơn, cụ thể là gấp 4 lần so với người có thu nhập cao. Khi $\alpha = 2$: Trọng số tương đối là 16, cho thấy sự ưu tiên cực lớn đối với người thu nhập thấp – họ được coi là quan trọng gấp 16 lần người thu nhập 1600 đô. Đây là mức thiên lệch rất cao, thể hiện chính sách hoặc tiêu chí đánh giá cực kỳ quan tâm đến người nghèo.

Bảng 1.

Chỉ số RG áp dụng dựa trên thu nhập bình quân đầu người cho chu kỳ 6 năm

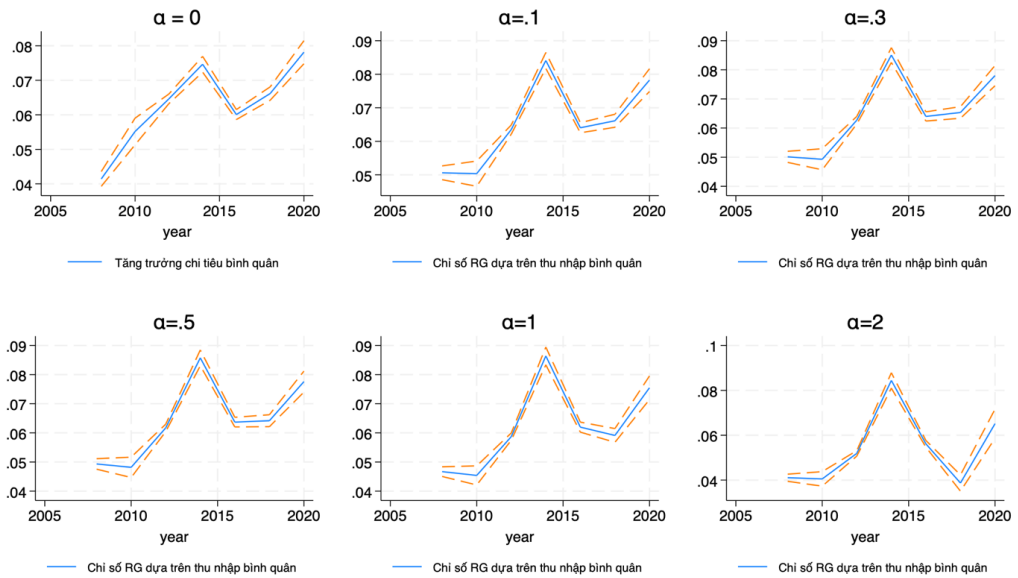
Năm	$\alpha = 0,01$	$\alpha = 0,1$	$\alpha = 0,3$	$\alpha = 0,5$	$\alpha = 1$	$\alpha = 2$
2008	0,051	0,051	0,050	0,049	0,047	0,041
2010	0,051	0,050	0,049	0,048	0,045	0,041
2012	0,064	0,064	0,063	0,062	0,059	0,052
2014	0,084	0,084	0,085	0,086	0,086	0,084
2016	0,064	0,064	0,064	0,064	0,062	0,056
2018	0,066	0,066	0,065	0,064	0,059	0,039
2020	0,078	0,078	0,078	0,078	0,076	0,065

Bảng 2.

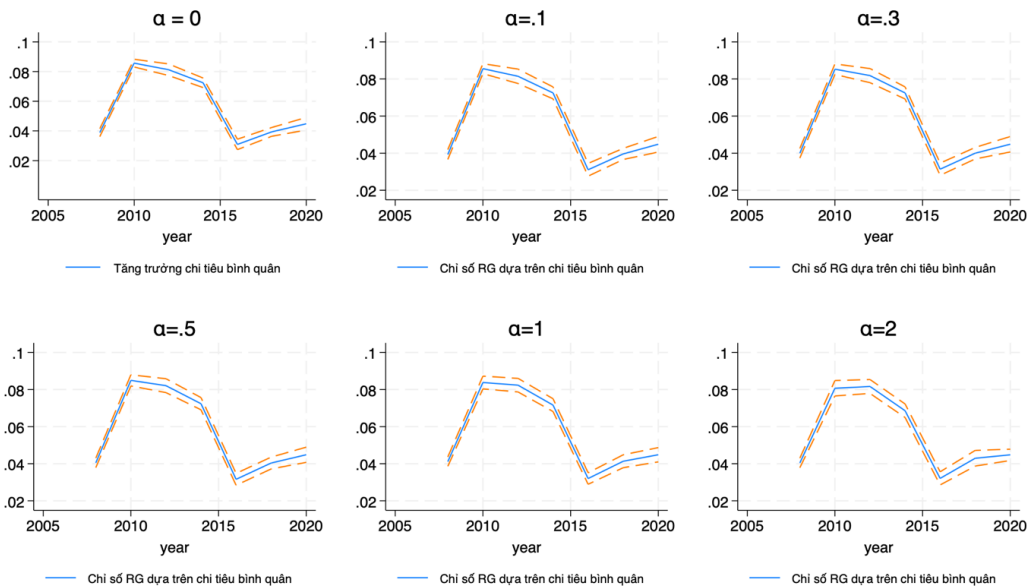
Chỉ số RG áp dụng dựa trên chỉ tiêu bình quân đầu người cho chu kỳ 6 năm

Năm	$\alpha = 0,01$	$\alpha = 0,1$	$\alpha = 0,3$	$\alpha = 0,5$	$\alpha = 1$	$\alpha = 2$
2008	0,039	0,039	0,040	0,041	0,041	0,040
2010	0,086	0,086	0,085	0,085	0,084	0,081
2012	0,081	0,082	0,082	0,082	0,082	0,082
2014	0,073	0,073	0,073	0,072	0,072	0,069
2016	0,031	0,031	0,031	0,032	0,032	0,032
2018	0,039	0,040	0,040	0,040	0,041	0,043
2020	0,045	0,045	0,045	0,045	0,045	0,045

Hình 1 trình bày xu hướng của sự dịch chuyển lên, tính toán dựa trên thu nhập bình quân đầu người (đường liền màu xanh dương) với các giá trị $\alpha \in \{0,1; 0,3; 0,5; 1; 2\}$, cùng với khoảng tin cậy 95% được tính bằng phương pháp bootstrapping cụm ngẫu nhiên (wild cluster bootstrapping). Để tham khảo, chúng tôi cũng trình bày xu hướng dịch chuyển đi lên (chỉ số RG) dựa trên chỉ tiêu bình quân đầu người. (Hình 2). Các đường chấm thể hiện khoảng tin cậy 95% được tính bằng phương pháp bootstrapping. Các khoảng tin cậy hẹp cho thấy khảo sát mẫu có thể cung cấp các ước lượng khá chính xác về sự dịch chuyển lên.



Hình 1. Chỉ số RG dựa trên thu nhập bình quân đầu người



Hình 2. Chỉ số RG dựa trên chi tiêu bình quân đầu người

Việc lựa chọn tính toán chỉ số lưu động hướng lên cho cả thu nhập và chi tiêu không chỉ xuất phát từ yêu cầu đảm bảo độ tin cậy về mặt thống kê, mà còn phản ánh những đặc thù về dữ liệu và bối cảnh nghiên cứu tại Việt Nam. Mặc dù Ray và Genicot (2023) có khuyến nghị ưu tiên sử dụng dữ liệu chi tiêu do tính ổn định cao hơn so với thu nhập, đặc biệt trong các quốc gia đang phát triển nơi thu

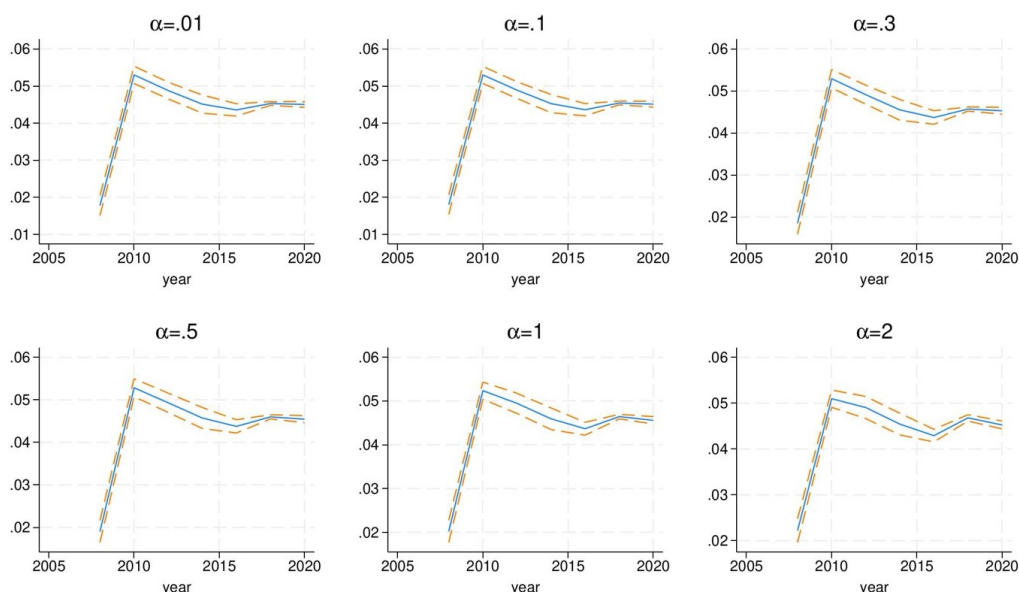
nhập thường biến động mạnh và khó đo lường chính xác, nhưng họ cũng không loại trừ hoàn toàn việc sử dụng dữ liệu thu nhập, nhất là trong những trường hợp cần phân tích toàn diện hơn.

Trong trường hợp Việt Nam, việc tính toán chỉ số trên cả hai thước đo – thu nhập và chi tiêu – mang lại giá trị bổ sung quan trọng. Thứ nhất, điều này cho phép kiểm chứng tính nhất quán và độ bền vững của kết quả, từ đó giúp đánh giá độ nhạy của chỉ số di chuyển hướng lên đối với từng loại dữ liệu. Thứ hai, chi tiêu phản ánh mức sống thực tế của hộ gia đình, trong khi thu nhập thể hiện khả năng tạo nguồn lực kinh tế – cả hai khía cạnh này đều có giá trị trong phân tích tăng trưởng toàn diện và di chuyển hướng lên. Thứ ba, trong bối cảnh Việt Nam, VHLSS cung cấp dữ liệu khá tin cậy cho cả hai biến số này, do đó việc khai thác đồng thời cả thu nhập và chi tiêu là hoàn toàn khả thi về mặt thực nghiệm. Cuối cùng, cách tiếp cận này cũng phù hợp với thông lệ nghiên cứu quốc tế, nơi mà nhiều nghiên cứu sử dụng song song hai thước đo để phân tích đa chiều về nghèo đói, bất bình đẳng, và di chuyển thu nhập, chẳng hạn như (Dang & Lanjouw, 2017).

Phản ánh sự tăng trưởng kinh tế bền vững trong giai đoạn này, chỉ số dịch chuyển lên của chỉ số RG (dù tính toán dựa trên chi tiêu thu nhập bình quân đầu người hay chi tiêu bình quân đầu người) luôn có giá trị dương. Việc lựa chọn giá trị tham số α không ảnh hưởng đến quỹ đạo của sự dịch chuyển lên. Vì giá trị α lớn hơn sẽ đặt trọng số cao hơn vào tăng trưởng thu nhập của người nghèo, việc sự dịch chuyển lên không nhạy cảm với α hàm ý rằng người nghèo cũng đã được hưởng lợi từ tăng trưởng kinh tế như những người không nghèo.

Sự dịch chuyển lên của chi tiêu bình quân đầu người cũng ghi nhận các giá trị dương trong suốt các kỳ khảo sát, mặc dù xu hướng có phần khác so với chi tiêu bình quân đầu người. Vì xu hướng tăng trưởng trung bình của chi tiêu và thu nhập bình quân đầu người tương tự nhau, sự khác biệt trong quỹ đạo của dịch chuyển lên theo chi tiêu và dịch chuyển lên theo thu nhập được cho là do phản ứng tiêu dùng của hộ gia đình đối với sự thay đổi thu nhập.

Lưu ý rằng sự dịch chuyển lên được báo cáo trong vòng 6 năm phụ thuộc vào năm cơ sở, do đó sẽ cao nếu chi tiêu hoặc thu nhập bình quân đầu người trong năm cơ sở không thuận lợi đối với các hộ gia đình. Để giảm bớt sự nhạy cảm với sự khác biệt về năm cơ sở, tác giả vẽ biểu đồ sự dịch chuyển lên với năm 2002 làm năm cơ sở trong Hình 3. So với Hình 1 và Hình 2, các giá trị dịch chuyển đi lên ổn định hơn. Điều này cho thấy Việt Nam đã liên tục đạt được tăng trưởng có lợi cho người nghèo kể từ năm 2002, đặc biệt là sau năm 2010. Khi lấy năm cơ sở là 2002, chúng ta thấy giai đoạn từ 2008 đến 2010, chỉ tiêu RG có sự tăng trưởng rõ rệt cho thấy Việt Nam trong giai đoạn này có sự cải thiện rất lớn trong thu nhập và chi tiêu của người nghèo ở Việt Nam. Hay nói cách khác, tăng trưởng kinh tế vì người nghèo thể hiện rõ rệt trong giai đoạn này. Từ sau 2010, chỉ tiêu này vẫn được duy trì ở mức cao và ổn định. Đây là minh chứng cho thấy người nghèo tiếp tục được hưởng lợi từ tăng trưởng kinh tế. Hơn nữa, khi thay đổi giá trị trọng số α , thì xu hướng của chỉ tiêu RG không có sự thay đổi đáng kể. Điều này minh chứng sự ổn định của xu hướng theo thời gian và cho thấy tăng trưởng kinh tế của Việt Nam thực sự chạm đến tầng lớp thu nhập thấp trong xã hội.



Hình 3. Chỉ số RG dựa trên mức chi tiêu bình quân đầu người với năm cơ sở là 2002

5. Kết luận

Bài báo này đã tiên phong ứng dụng chỉ số lưu động hướng lên (Upward Mobility Measure) được đề xuất bởi Ray và Genicot (2023) vào phân tích dữ liệu của Việt Nam nhằm đánh giá mức độ thụ hưởng lợi ích từ tăng trưởng kinh tế của nhóm dân cư nghèo. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng người nghèo tại Việt Nam đã thực sự được hưởng lợi từ quá trình phát triển kinh tế trong giai đoạn 2002–2020. Đây là bằng chứng cho thấy Việt Nam đạt được tăng trưởng kinh tế bao trùm trong hai thập kỷ qua. Kết luận này được củng cố vững chắc bởi các phân tích định lượng dựa trên cả thu nhập bình quân đầu người và chỉ tiêu bình quân đầu người, với sự kiểm chứng dưới nhiều giả định khác nhau về trọng số ưu tiên cho người nghèo trong tiến trình tính toán.

Bài báo mang lại hai đóng góp học thuật quan trọng. Thứ nhất, nghiên cứu đã lần đầu tiên vận dụng một chỉ số mới vào bối cảnh Việt Nam, từ đó cung cấp bằng chứng thực nghiệm có giá trị cho thấy tăng trưởng kinh tế tại Việt Nam trong hai thập kỷ qua mang tính bao trùm và có lợi cho người nghèo. Phát hiện này góp phần củng cố lập luận về thành công của Việt Nam trong việc kết hợp mục tiêu tăng trưởng với công bằng xã hội và giảm nghèo.

Thứ hai, nghiên cứu mở ra một hướng đi mới trong việc ứng dụng chỉ số lưu động hướng lên vào các bộ dữ liệu khác nhờ ưu thế nổi bật của chỉ số này, không phụ thuộc vào ngưỡng nghèo truyền thống và có thể sử dụng ngay cả khi dữ liệu không phải là dạng bảng. Do đó, có thể ứng dụng chỉ tiêu này để đo lường, so sánh và đánh giá mức độ tăng trưởng bao trùm hoặc phát triển bền vững không chỉ giữa các quốc gia, mà còn giữa các tỉnh, thành phố trong nội bộ Việt Nam. Những kết quả định lượng thu được từ chỉ số này có thể cung cấp nền tảng thực chứng vững chắc, hỗ trợ quá trình xây dựng, điều chỉnh và hoạch định chính sách phát triển hiệu quả, công bằng và hướng tới tăng trưởng bao trùm hơn trong tương lai.

Tài liệu tham khảo

- Balasubramanian, P., Burchi, F., & Malerba, D. (2023). Does economic growth reduce multidimensional poverty? Evidence from low- and middle-income countries. *World Development*, 161, 106119. <https://doi.org/10.1016/j.worlddev.2022.106119>
- Chetty, R., Hendren, N., Jones, M. R., & Porter, S. R. (2020). Race and economic opportunity in the United States: An intergenerational perspective*. *The Quarterly Journal of Economics*, 135(2), 711-783. <https://doi.org/10.1093/qje/qjz042>
- Dang, H. H., & Lanjouw, P. F. (2017). Welfare dynamics measurement: Two definitions of a vulnerability line and their empirical application. *Review of Income and Wealth*, 63(4), 633-660. <https://doi.org/10.1111/roiw.12237>
- Diễn đàn Đổi tác Phát triển Việt Nam. (2015). Hướng tới cạnh tranh, tăng trưởng toàn diện và bền vững[Diễn đàn chính sách]. Hà Nội: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
- Dollar, D., Kleineberg, T., & Kraay, A. (2016). Growth still is good for the poor. *European Economic Review*, 81, 68-85. <https://doi.org/10.1016/j.eurocorev.2015.05.008>
- Dollar, D., & Kraay, A. (2002). Growth is good for the poor. *Journal of Economic Growth*, 7(3), 195-225.
- Kakwani, N., & Pernia, E. M. (2000). What is pro-poor growth?. *Asian Development Review*, 18(1), 1-16.
- Kakwani, N., & Son, H. H. (2008). Poverty equivalent growth rate. *Review of Income and Wealth*, 54(4), 643-655. <https://doi.org/10.1111/j.1475-4991.2008.00293.x>
- Kono, H. & Pham, T. B. N. (2024). *Decomposing inclusive growth: Application to household survey data in Vietnam*. Discussion papers e-24-003, Graduate School of Economics , Kyoto University.
- Lopez, J. H. (2004). Pro-poor growth: A review of what we know (and of what we don't). *The World Bank*. Retrieved from https://www.vwl.ethz.ch/download/v-schubert/entwicklung_0405/15163_ppg_review.pdf
- McCulloch, N., & Baulch, B. (1999). *Assessing the poverty bias of growth methodology and an application to Andhra Pradesh and Uttar Pradesh*. Retrieved from <https://opendocs.ids.ac.uk/opendocs/bitstream/handle/20.500.12413/3421/Wp98.pdf?sequence=1>
- Nguyễn Thắng. (2016). *Tăng trưởng bao trùm ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập và cách mạng công nghệ*. Truy cập tại <https://kinhtrunguoc.vn/web/guest/kinh-te-xa-hoi/tang-truong-bao-trum-o-viet-nam-trong-boi-can-hoi-nhap-va-c.html>
- OECD. (2018). *Opportunities for all: A framework for policy action on inclusive growth*. OECD Publishing. <https://doi.org/10.1787/9789264301665-en>
- Ravallion, M. (2004). Pro-poor growth: A primer. World Bank Policy Research Working Paper. <https://documents1.worldbank.org/curated/en/358321468761705849/pdf/wps3242growth.pdf>
- Ravallion, M., & Chen, S. (2003). Measuring pro-poor growth. *Economics Letters*, 78(1), 93-99. [https://doi.org/10.1016/S0165-1765\(02\)00205-7](https://doi.org/10.1016/S0165-1765(02)00205-7)

- Ray, D., & Genicot, G. (2023). Measuring Upward Mobility. *American Economic Review*, 113(11), 3044-3089. <https://doi.org/10.1257/aer.20220316>
- Son, H. H. (2004). A note on pro-poor growth. *Economics Letters*, 82(3), 307-314.
- Son, H. H. (2007). *Pro-poor growth: Concepts and measures*. Retrieved from <https://www.adb.org/sites/default/files/publication/29865/tn-22-pro-poor-growth.pdf>